

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 01**
 CBGD: **Vũ Nhật Tân (260001)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm
1	2120120003	CAO THẾ ANH	22/02/2002	CCQ2012A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
2	2120120002	LÊ THỊ NGỌC ANH	27/05/2002	CCQ2012A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
3	2120120036	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	10/08/2001	CCQ2012B							(V) 0 1 2 3 4 5 6
4	2120120005	NGUYỄN PHÚC DUY	22/01/2002	CCQ2012A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
5	2120120006	ĐÀO THỊ THÙY DUYÊN	24/04/2001	CCQ2012A						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
6	2120120112	ĐẶNG THỊ THU HẰNG	25/01/2002	CCQ2012D						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
7	2120120042	NGUYỄN THỊ HẰNG	13/07/2001	CCQ2012B						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
8	2120120423	NGUYỄN THỊ HẰNG	08/07/2002	CCQ2012M							(V) 0 1 2 3 4 5 6
9	2120120630	NGUYỄN THỊ NGỌC HẬU	13/03/2002	CCQ2012B						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
10	2120120043	NGUYỄN VĂN HOÀNG	21/12/1999	CCQ2012B						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
11	2120120009	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	04/06/2002	CCQ2012A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
12	2120120626	NGUYỄN MẠNH HÙNG	26/08/2002	CCQ2012A						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
13	2120120011	LÊ THỊ VÂN KHANH	20/11/2001	CCQ2012A						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
14	2120120118	TRẦN QUỐC KIẾT	28/10/2002	CCQ2012D						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
15	2120120044	ĐẶNG LÊ MỸ KIỀU	24/04/2002	CCQ2012B						6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
16	2120120119	LÊ THỊ THÙY LAN	04/08/2002	CCQ2012D						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
17	2120120120	HỒ NGỌC LÂM	27/01/2002	CCQ2012D						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
18	2120120012	TRẦN THỊ LÊ	20/11/2002	CCQ2012A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
19	2120120046	ĐỖ THỊ MỸ LINH	08/03/2002	CCQ2012B							(V) 0 1 2 3 4 5 6
20	2120120045	NGUYỄN KIỀU LINH	19/11/2002	CCQ2012B						6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 01**
 CBGD: **Vũ Nhật Tân (260001)**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120120014	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	26/10/2002	CCQ2012A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120120162	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	21/08/2002	CCQ2012C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120120015	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	28/07/2000	CCQ2012A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120120047	TRẦN THỊ LINH	17/02/1999	CCQ2012B						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120240070	LÊ THỊ MỸ LOAN	08/03/2002	CCQ2012B						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120120048	VÕ THỊ LUYẾN	02/03/2002	CCQ2012B						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120120631	PHAN THỊ NGỌC MAI	26/02/2002	CCQ2012B						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120120081	PHÙNG VĂN MINH	04/10/2002	CCQ2012C						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120120049	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	16/12/2002	CCQ2012B						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120120019	BÙI YẾN NGỌC	02/07/2000	CCQ2012A						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120120053	NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG NGỌC	02/01/2002	CCQ2012B						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120120054	NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT	25/12/2001	CCQ2012B						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120120020	ĐẶNG THỊ KIM NHI	09/11/2002	CCQ2012A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120120130	NGUYỄN THỊ NHUNG	21/06/2001	CCQ2012D						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2119120535	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	19/07/2001	CCQ19120						6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120120021	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	10/05/2002	CCQ2012A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120120131	DƯƠNG HOÀNG NHƯ	17/12/2002	CCQ2012D						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120120628	PHAN THỊ TUYẾT NHƯ	08/08/2002	CCQ2012A						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120120024	LÊ VINH QUANG	12/08/1997	CCQ2012A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120120059	NGUYỄN MINH THÀNH QUÍ	02/10/2002	CCQ2012B						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 01**
 CBGD: **Vũ Nhật Tân (260001)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho c
41	2120120025	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	15/07/2002	CCQ2012A						9.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
42	2120120060	NGUYỄN SƠN	09/04/2002	CCQ2012B						7.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
43	2120120061	NGUYỄN THỊ HỒNG SƯƠNG	14/12/2002	CCQ2012B						8.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
44	2120120091	DƯƠNG VĂN TÀI	25/05/1996	CCQ2012C						9.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
45	2120120026	NGUYỄN THỊ BÉ THÙY	08/01/2002	CCQ2012A						8.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
46	2120120064	PHAN THỊ THU THÙY	26/10/1995	CCQ2012B						7.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
47	2120120065	TRẦN THỊ THANH THÚY	16/07/2002	CCQ2012B						6.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
48	2120120028	TRÌNH THỊ HOÀI THƯƠNG	10/01/2002	CCQ2012A						9.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
49	2120120067	HUỲNH THỊ HUYỀN TRÂN	30/08/2002	CCQ2012B						9.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
50	2120120032	NGUYỄN NGỌC DIỄM TRÂN	03/01/2001	CCQ2012A						7.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
51	2120120632	PHẠM QUANG TRƯỜNG	02/09/2002	CCQ2012B							(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
52	2120120070	NGUYỄN THỊ TRIỆU VI	10/01/2002	CCQ2012B						8.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
53	2120120105	NGUYỄN KHÚC NHẬT VY	22/05/2002	CCQ2012C						8.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
54	2120120565	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	22/10/2002	CCQ2012B						8.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5)